

Đại Tân, ngày 05 tháng 10 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện giáo dục khuyết tật hòa nhập

Năm học: 2022 - 2023

Căn cứ Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người khuyết tật;

Căn cứ thông tư số 42 /2013/TTLT-BGD&ĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ giáo dục, Bộ Lao động thương binh và xã hội, bộ tài chính ngày 31/12/2013 qui định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật;

Thực hiện kế hoạch số 19/KH-TH&THCSĐT ngày 22 tháng 9 năm 2022 về việc thực hiện nhiệm vụ Giáo dục năm học 2022-2023 của trường TH&THCS Đại Tân;

Trường TH&THCS Đại Tân xây dựng kế hoạch giáo dục trẻ khuyết tật năm học 2022- 2023 như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH.

I. Tình hình chung của nhà trường:

1. Thuận lợi

- Năm học 2022- 2023 chương trình giáo dục hoà nhập tiếp tục được triển khai.

- Chương trình đã triển khai đến toàn thể cán bộ giáo viên và các Ban, Ngành, Đoàn thể, gia đình trẻ khuyết tật, cộng đồng. Có Ban điều hành về dự án giáo dục trẻ khuyết tật và được các cấp lãnh đạo chính quyền địa phương, nhà trường, cộng đồng quan tâm, giúp đỡ.

- Hàng năm số trẻ khuyết tật được huy động ra lớp và duy trì sĩ số chiếm tỉ lệ cao 100% . Nhà trường miễn giảm hoàn toàn các khoản đóng góp cho trẻ khuyết tật.

- Không có sự kỳ thị đối với trẻ khuyết tật.

2. Khó khăn:

- Bên cạnh những mặt thuận lợi ảnh hưởng tích cực tới công tác giáo dục của nhà trường thì vẫn còn một số khó khăn đối với công tác giáo dục hoà nhập:

- Công tác tập huấn về giáo dục hoà nhập chưa thường xuyên, không có kinh phí.

II. Tình hình trẻ khuyết tật.

Chương trình giáo dục hoà nhập được triển khai từ năm 2012 theo Nghị định 28/2012/NĐ-CP. Tính đến thời điểm tháng 9 năm 2018, số trẻ khuyết tật trên địa nhà trường quản lý như sau:

1. Tổng số trẻ khuyết tật từ 06 đến 15 tuổi: 07 HS.

Trong đó: + Tật nặng: 02 = 28,57% + Tật nhẹ: 05 = 71,42 %
 - Tổng số em đã đi học: 07 đạt 100 %
 - Tổng số trẻ chưa đi học: 0 = 0 %

Phân loại tật/ tổng số trẻ khuyết tật trên địa bàn trường như sau:

+ Ngôn ngữ: 01 = 14,28 % Nặng: 01 Nhẹ: 0
 + Thính giác: 0 = 0% Nặng: 0 Nhẹ: 0
 + Trí tuệ: 01 = 14,28% Nặng: 01 Nhẹ: 0
 + Vận động: 0 = 0 % Nặng: 0 Nhẹ: 0
 + Đa tật (khác): 05 = 71,42 % Nặng: 0 Nhẹ: 05

2. Danh sách trẻ khuyết tật của trường :

T	Họ và tên	Tuổi	Loại tật	Mức độ	Chỗ ở	Họ và tên phụ huynh	Học lớp
1	Hồ Đức Nhật	11	Trí tuệ	Nặng	An Chánh	Ngoài ds	6.1
2	Đặng Thị Hoàng Châu	12	Căng da vùng mắt	Nhẹ	Phú phong-Đại Tân	Đặng Văn Sơn	7/1
3	Nguyễn Thị Hà My	12		Nhẹ	Xuân Tây	Nguyễn Long Hiền	7.2
4	Trần Quang Nhân	10	Đa tật	Nhẹ	Phú phong	Dương Thị Diệu Liên	5a
5	Trần Thị Như Quỳnh	10	Đa tật	Nhẹ	Phú Phong	Nguyễn Thị Hạnh	5a
6	Châu Thị Lợi	7	Đa tật	Nhẹ	Nam Phước	Châu Thành Nam	2c
7	Nguyễn Minh Nhật	7	Câm điếc	Nặng	Ngoài danh sách		3b

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC HOÀ NHẬP NĂM HỌC 2022-2023.

I. Mục tiêu chung.

- Đảm bảo sự hoà nhập của trẻ và gia đình trẻ khuyết tật vào cộng đồng bằng cách tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về nhu cầu của trẻ khuyết tật.
- Tổ chức tập huấn để giáo viên đáp ứng được nhu cầu của trẻ khuyết tật ở lớp học và tăng cường sự hỗ trợ của cộng đồng.
- Huy động và duy trì số trẻ khuyết tật ra lớp học hoà nhập đạt tỷ lệ cao.
- Khắc phục và phục hồi chức năng khiếm khuyết cho các em.
- Dạy cho trẻ khuyết tật có được kiến thức cơ bản, đơn giản về tự nhiên xã hội.
- Hình thành và rèn luyện cho các em một số kỹ năng: Thích ứng, thực hành, giao tiếp...
- Xây dựng cho các em mối quan hệ tình cảm lành mạnh, xoá bỏ mặc cảm tật nguyền giữa trẻ khuyết tật và cộng đồng.

Giúp các em: Học để biết - Học để làm việc;
 Học để hoàn thiện - Học để cùng chung sống.

II. Mục tiêu cụ thể.

1/ Số lượng.

- Huy động: 07 HS khuyết tật ra lớp = 100 %.
- Duy trì sĩ số: HS = 07/07 đạt 100 %.

2/ **Chất lượng mặt giáo dục:**

Hạnh kiểm: Tốt 7/7

Học lực: Từ trung bình trở lên: 7/7

III. **Biện pháp thực hiện.**

1. Tuyên truyền, vận động tối đa số trẻ khuyết tật ra lớp học hoà nhập. Khảo sát tìm hiểu nhu cầu của các em ngay từ đầu năm học.
 2. Chọn, cử giáo viên có năng lực dự các lớp tập huấn về GDHN tại huyện, đồng thời tham gia phụ trách các lớp có trẻ khuyết tật. 100% giáo viên phụ trách lớp có kế hoạch giáo dục hoà nhập cụ thể cho từng trẻ khuyết tật.
 3. Xây dựng vòng bè bạn ở lớp, ở nhà cho các em KT nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho các em KT được giao tiếp và hoà nhập tốt nhất.
 4. Điều chỉnh nội dung, phương pháp (thể hiện ở KHDH) phù hợp với học sinh KT - chú ý dạy học theo nhiều phương pháp khác nhau (là sự phối kết hợp linh hoạt của các hình thức học tập cả lớp, nhóm, cá nhân) đặc biệt tích cực sử dụng phương pháp: Học hợp tác nhóm.
 5. Điều chỉnh cách đánh giá, động viên trẻ KT, dựa trên 3 tiêu chí:
 - + **Sự tiến bộ của trẻ trong học tập.**
 - + **Chất lượng học các môn học (hoạt động).**
 - + **Sự nỗ lực, kiên trì và sức lực của trẻ dành cho công việc.**
- Tiếp tục tham mưu với các cấp uỷ Đảng, chính quyền xã Đại Tân thông qua ban điều hành, hỗ trợ kinh phí của địa phương đối với TKT và gia đình trẻ.
 - Tích cực cùng các nhóm hỗ trợ cộng đồng tăng cường tuyên truyền vận động mọi lực lượng xã hội hỗ trợ cho chương trình.
 - Miễn 100% các khoản đóng góp cho học sinh KT, tặng bút, vở cho các em trong các dịp lễ, tết...hoặc do các nhà từ thiện hỗ trợ.
 - Thực hiện các chế độ đối với người khuyết tật theo thông tư số 42 /2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC của Bộ giáo dục, Bộ Lao động thương binh và xã hội, bộ tài chính ngày 31/12/2013 qui định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật.
 - Tăng cường bồi dưỡng và dự giờ thăm lớp rút kinh nghiệm giảng dạy để nâng cao chất lượng chuyên môn.
 - Tham mưu nhà trường lập hồ sơ hỗ trợ kinh phí học tập theo luật định.

* Đối với giáo viên phụ trách:

- Nắm vững hồ sơ học sinh khuyết tật lớp mình phụ trách.
- Có kế hoạch giáo dục cả năm học, học kì, hàng tháng.
- Nắm vững cách điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học, cách đánh giá HS khuyết tật.
- Xây dựng và tiếp tục củng cố vòng bè bạn ở lớp, ở nhà giúp trẻ khuyết tật trong học tập và sinh hoạt tập thể.

- Phân công giáo viên phụ trách năm học 2022-2023.

T	Họ và tên	Tuổi	Loại tật	Mức độ	Lớp	Giáo viên phụ trách
1	Hồ Đức Nhật	11	Trí tuệ	Nặng	6.1	Lâm Thị Hương Nhiên

2	Đặng Thị Hoàng Châu	12	Căng da vùng mắt	Nhẹ	7/1	Ngô Thị Xê
3	Nguyễn Thị Hà My	12		Nhẹ	8.1	Trương Thị Thúy Vân
4	Trần Quang Nhân	10	Đa tật	Nhẹ	5a	Võ Bảy
5	Trần Thị Như Quỳnh	10	Đa tật	Nhẹ	5a	Võ Bảy
6	Châu Thị Lợi	7	Đa tật	Nhẹ	2c	Nguyễn Thị Nguyệt
7	Nguyễn Minh Nhật	7	Câm điếc	Nặng	3b	Dương Thị Phương

Nơi nhận:

- PGD (BC);
- GVCN;
- Lưu VT.



Nguyễn Văn Tuấn